



CÔNG TY CỔ PHẦN THANH BÌNH PHÚ MỸ

Địa chỉ: Khu công nghiệp Chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 0234.3936.838

Fax: 02543.936.839

Email: environment@phumy3sip.com

Website: www.phumy3sip.com

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC
CỦA TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHUYÊN SÂU PHÚ MỸ 3
THÁNG 09 NĂM 2025**

Stt	Ngày	Giá trị trung bình pH	Giá trị trung bình Nhiệt độ (°C)	Giá trị trung bình TSS (mg/l)	Giá trị trung bình COD (mg/l)	Giá trị trung bình Amoni (mg/l)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu vào (m ³ /ngày)	Giá trị trung bình Lưu lượng đầu ra (m ³ /ngày)
1	01/09/2025	7,21	35,02	4,96	23,97	0,30	608	4.766
2	02/09/2025	7,10	34,46	8,21	26,32	0,30	1.057	4.347
3	03/09/2025	7,15	34,05	8,33	29,59	0,30	1.834	6.646
4	04/09/2025	7,40	35,16	9,43	30,25	0,68	2.568	9.807
5	05/09/2025	7,73	34,39	8,21	25,10	1,11	2.679	9.736
6	06/09/2025	7,48	34,84	6,79	25,25	0,50	2.406	9.817
7	07/09/2025	7,20	34,83	5,25	25,75	0,31	1.886	9.982
8	08/09/2025	7,19	35,12	4,27	25,20	0,38	2.557	9.470
9	09/09/2025	7,16	35,25	2,55	24,43	0,30	2.998	10.886
10	10/09/2025	7,17	35,81	7,19	25,88	0,30	2.690	10.147
11	11/09/2025	7,24	35,80	4,13	28,32	0,30	2.029	10.032
12	12/09/2025	7,24	34,78	7,42	30,42	0,30	2.168	7.663
13	13/09/2025	7,18	33,88	5,12	32,86	0,30	2.880	5.591
14	14/09/2025	7,12	33,83	9,92	35,62	0,35	1.435	5.645
15	15/09/2025	7,35	33,48	8,41	26,92	0,35	3.413	7.657
16	16/09/2025	7,43	33,51	14,34	24,40	0,35	4.677	8.319
17	17/09/2025	7,30	33,45	8,48	22,91	0,30	4.973	10.011
18	18/09/2025	7,24	33,34	4,40	23,32	0,32	5.263	10.559
19	19/09/2025	7,08	33,33	10,53	22,52	0,31	5.047	11.514
20	20/09/2025	7,05	33,79	5,21	21,09	0,40	4.794	9.623
21	21/09/2025	7,09	33,90	12,70	20,98	0,48	3.626	10.115
22	22/09/2025	7,08	33,61	17,00	20,87	0,44	4.554	11.693
23	23/09/2025	7,03	33,65	16,18	28,97	0,35	5.127	11.075
24	24/09/2025	7,06	34,16	14,07	33,57	0,33	5.325	12.114
25	25/09/2025	7,03	34,48	13,38	35,49	0,33	4.804	12.086
26	26/09/2025	7,03	34,16	5,03	37,65	0,33	4.108	10.752
27	27/09/2025	6,94	33,62	13,81	38,59	0,34	4.435	8.087
28	28/09/2025	7,00	33,59	11,80	37,70	0,41	3.144	9.127
29	29/09/2025	7,14	33,06	15,88	35,27	0,57	4.403	10.015
30	30/09/2025	7,30	32,96	10,89	28,56	0,54	4.796	10.980
Giá trị trung bình ngày		7,19	34,18 (°C)	9,13 (mg/l)	28,26 (mg/l)	0,40 (mg/l)	3.409 (m ³ /ngày)	9.275 (m ³ /ngày)
QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K _a = K _r = 0,9. (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)		6 - 9	40 (°C)	40,5 (mg/l)	60,75 (mg/l)	4,05 (mg/l)	-	-